

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2026 - 2027  
Tuần 8: từ ngày 05/10/2026 đến ngày 11/10/2026

| THỨ<br>LỚP                               |       | Thứ 2                        |   | Thứ 3                      |   | Thứ 4                                          |   | Thứ 5                      |   | Thứ 6                        |   |
|------------------------------------------|-------|------------------------------|---|----------------------------|---|------------------------------------------------|---|----------------------------|---|------------------------------|---|
| CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY            |       |                              |   |                            |   |                                                |   |                            |   |                              |   |
| K11-DVTY<br>P.E303                       | Sáng  | GD thể chất (Hội)            | 4 | Trồng trọt cơ bản (Thọ)    | 4 | Dược lý (Duyên)                                | 4 | Giống vật nuôi (Vân)       | 2 | Dược lý (Duyên)              | 4 |
|                                          | Chiều | Sinh hoạt lớp (Hưng)         | 1 | Giải phẫu SLVN (Hằng)      | 4 | Tin học (Trường)                               | 2 | Dược lý (Duyên) B101       | 2 | P. TV                        |   |
| K12-DVTY<br>P.E303                       | Sáng  | GD thể chất (Hội)            | 4 |                            |   |                                                |   |                            |   |                              |   |
|                                          | Chiều | Sinh hoạt lớp (Hoà)          | 1 | Giải phẫu SLVN (Hằng)      | 4 | Tin học (Trường)                               | 2 | GD Chính trị (Quế)         | 4 | Tiếng Anh (Linh)             | 4 |
| K10-KTDN<br>P.E305                       | Sáng  |                              |   |                            |   |                                                |   |                            |   |                              |   |
|                                          | Chiều | TH KT trong DNSX (Mai)       | 2 | TH KT trong DNSX (Mai)     | 4 | TH KT trong DNSX (Mai)                         | 4 |                            |   | TH KT trong DNSX (Mai)       | 4 |
| K11-KTDN<br>P.E305                       | Sáng  | GD thể chất (Hội)            | 4 | Lý thuyết TCTT (C.Thảo)    | 4 | Nguyên lý thống kê (Hoa)                       | 4 | Kinh tế vi mô (Thuý)       | 4 | Kế toán DN 2 (Dung)          | 4 |
|                                          | Chiều | Kế toán DN 2 (Dung) E203     | 2 | Nguyên lý thống kê (Hoa)   | 4 | Tin học (Trường)                               | 2 | GD Chính trị (Quế)         | 4 | Tiếng Anh (Linh)             | 4 |
| K12-KTDN<br>P.E305                       | Sáng  | GD thể chất (Hội)            | 4 | Lý thuyết TCTT (C.Thảo)    | 4 | Nguyên lý thống kê (Hoa)                       | 4 | Kinh tế vi mô (Thuý)       | 4 |                              |   |
|                                          | Chiều | Kỹ năng mềm (Sơn)            | 2 | Nguyên lý thống kê (Hoa)   | 4 | Tin học (Trường)                               | 2 | GD Chính trị (Quế)         | 4 | Tiếng Anh (Linh)             | 4 |
| K12-DCN<br>P.E203<br>Ghép với<br>DCN66B2 | Sáng  | Sinh hoạt lớp (Giáp)         | 1 | GD thể chất (Quang)        | 4 | GD QP-AN (Mạnh)                                | 4 | Vẽ kỹ thuật điện (Ng. Đức) | 4 | An toàn điện (Hoà)           | 4 |
|                                          | Chiều | Thiết bị điện GD (Giáp)      | 3 |                            |   |                                                |   |                            |   |                              |   |
| CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY           |       |                              |   |                            |   |                                                |   |                            |   |                              |   |
| TT65A1<br>P.TH                           | Sáng  |                              |   |                            |   |                                                |   |                            |   |                              |   |
|                                          | Chiều | Sinh hoạt lớp (Hương)        | 1 | Phòng trừ dịch hại (Triệu) | 4 | Cây dược liệu (Huệ)                            | 2 | Cây rau (Lịch)             | 4 | Bệnh cây chuyên khoa         | 4 |
| TT66A1<br>P.E302                         | Sáng  | Sinh hoạt lớp (Huệ)          | 1 | Tiếng anh (Linh)           | 4 | Giống cây trồng (Huyền)                        | 4 | Sinh lý thực vật (Huệ)     | 4 | Côn trùng ĐC (Lịch)          | 2 |
|                                          | Chiều | Chính trị (Quế)              | 3 |                            |   |                                                |   |                            |   | Tin học (Thoa) P.TH2         | 2 |
| CN65A1<br>P.B306                         | Sáng  |                              |   |                            |   |                                                |   |                            |   |                              |   |
|                                          | Chiều | Sinh hoạt lớp (Lệ)           | 1 | Luật thú y (Nga)           | 2 | Nuôi và PTB cho trâu, bò<br>đẻ, thỏ (Hằng Nga) | 2 | Nuôi và PTB cho lợn (Hưng) | 4 | KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà) | 4 |
|                                          |       | KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà) | 3 | Trồng trọt cơ bản (Lịch)   | 2 |                                                |   |                            |   |                              |   |

|                    |       |                                                             |        |                                      |   |                                                 |        |                                              |        |
|--------------------|-------|-------------------------------------------------------------|--------|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------|--------|----------------------------------------------|--------|
| CN65A3<br>P.B206   | Sáng  |                                                             |        |                                      |   |                                                 |        |                                              |        |
|                    | Chiều | <b>Sinh hoạt lớp (Vân)</b><br>Trồng trọt cơ bản (Huệ)       | 1<br>3 | KTN và PTB cho gà, vịt<br>(Hoà)      | 4 | Nuôi và PTB cho trâu, bò<br>dê, thỏ (P. Phương) | 2      | KTN và PTB cho gà, vịt<br>(Hoà)              | 4      |
| CN66A1<br>P.B306   | Sáng  | <b>Sinh hoạt lớp (Huyền)</b><br>GD QP-AN (Mạnh)             | 1<br>3 | Giải phẫu SLVN (Hằng)                | 4 | GD Chính trị (Quế)                              | 4      | Dược lý thú y (Lệ)                           | 4      |
|                    | Chiều |                                                             |        |                                      |   |                                                 |        |                                              |        |
| CN66A3<br>P.B206   | Sáng  | <b>Sinh hoạt lớp (Duyên)</b><br>Dược lý thú y (Duyên)       | 1<br>3 | Dược lý thú y (Duyên)                | 4 | Kỹ Thuật truyền giống (Lệ)                      | 4      | Tiếng anh (K.Nhung)                          | 4      |
|                    | Chiều |                                                             |        |                                      |   |                                                 |        |                                              |        |
| LN65A<br>P.B102    | Sáng  |                                                             |        |                                      |   |                                                 |        |                                              |        |
|                    | Chiều | <b>Sinh hoạt lớp (Lịch)</b><br>Bảo vệ rừng (Tuyết)          | 1<br>3 | Khai thác gỗ, tre, nứa<br>(Hùng)     | 4 | Trồng và chăm sóc rừng<br>(Hùng)                | 4      | Bảo vệ rừng (Tuyết)                          | 4      |
| KTDN65A1<br>P.E203 | Sáng  |                                                             |        |                                      |   |                                                 |        |                                              |        |
|                    | Chiều | Kế toán DN 2 (Dung)<br><b>Sinh hoạt lớp (Dung)</b>          | 2<br>1 | TH KT trong DNSX (Mai)               | 4 | TH KT trong DNSX (Mai)                          | 4      | Kế toán DN 2 (Dung)                          | 2      |
| KTDN65A2<br>P.E304 | Sáng  |                                                             |        |                                      |   |                                                 |        |                                              |        |
|                    | Chiều | <b>Sinh hoạt lớp (C.Thảo)</b><br>Thống kê DN (Thúy)         | 1<br>3 | Thực hành KT trong DNSX<br>(T. Thảo) | 4 | Kế toán DN 2 (Dung)                             | 4      | Thuế (C. Thảo)                               | 2      |
| KTDN65B<br>CSDT    | Sáng  |                                                             |        |                                      |   |                                                 |        |                                              |        |
|                    | Chiều | KT NS xã, phường (T Thảo)<br><b>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</b>  | 2<br>1 | Thống kê DN (Dung)                   | 4 | Thực hành KT trong DNSX<br>( T.Thảo)            | 4      | Kế toán DN 2 (Mai)                           | 4      |
| KTDN66A1<br>P.E304 | Sáng  | <b>Sinh hoạt lớp (Thúy)</b><br>GD thể chất (Hà)             | 1<br>3 | KT vi mô (Thúy)                      | 4 | Lý thuyết KT (C.Thảo)                           | 4      | Pháp luật (Huyền)<br>Lý thuyết TCTT (C.Thảo) | 2<br>2 |
|                    | Chiều |                                                             |        |                                      |   |                                                 |        |                                              |        |
| KTDN66B<br>CSDT    | Sáng  | <b>Sinh hoạt lớp (Mai)</b><br>Lý thuyết TCTT (Ng. Mai)      | 1<br>3 | Tin học (Quang)                      | 4 | Lý thuyết KT (T.Thảo)<br>Tiếng Anh (T.Nhung)    | 2<br>2 | Lý thuyết KT (T.Thảo)                        | 4      |
|                    | Chiều |                                                             |        |                                      |   |                                                 |        |                                              |        |
| CNTT65A1<br>TH1    | Sáng  |                                                             |        |                                      |   |                                                 |        |                                              |        |
|                    | Chiều | XD PM QL bán hàng (Hà)<br><b>Sinh hoạt lớp (Hà)</b>         | 2<br>1 | XD phần mềm QL bán hàng<br>(Hà)      | 4 | QT CSDL với Access<br>(Phương)                  | 2      | Đồ hoạ ứng dụng (Quang)                      | 2      |
| CNTT65A2<br>TH2    | Sáng  |                                                             |        |                                      |   |                                                 |        |                                              |        |
|                    | Chiều | QT CSDL với Access(Phương)<br><b>Sinh hoạt lớp (Phương)</b> | 2<br>1 | QT CSDL với Access<br>(Phương)       | 4 | Đồ hoạ ứng dụng (Quang)                         | 2      | Lập trình Window (Thanh)                     | 2      |
| CNTT66A1<br>TH1    | Sáng  | <b>Sinh hoạt lớp (Tâm)</b><br>Tin học (Tâm)                 | 1<br>3 | Cấu trúc máy tính (Hà)               | 4 | Tin học VP (Phương)                             | 4      | Kỹ năng mềm (Sơn) E303                       | 4      |
|                    | Chiều |                                                             |        |                                      |   |                                                 |        |                                              |        |
| CNTT66A2<br>TH2    | Sáng  | <b>Sinh hoạt lớp (Sơn)</b><br>Tin học VP (Phương)           | 1<br>3 | Tiếng anh (K.Nhung) <b>PTHT1</b>     | 4 | Cấu trúc máy tính (Hà)                          | 4      | Tin học VP (Phương)                          | 4      |
|                    | Chiều |                                                             |        |                                      |   |                                                 |        |                                              |        |



|                                              |       |                                                         |        |                                   |   |                                       |                                                             |                                      |   |                               |        |                            |   |
|----------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------|--------|-----------------------------------|---|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------|---|-------------------------------|--------|----------------------------|---|
| ĐCN 66B1<br>CSDT                             | Sáng  | <i>Sinh hoạt lớp (Dương)</i><br>An toàn điện (Ng. Đức)  | 1<br>3 | GD QP-AN (Mạnh)                   | 4 | Thiết bị điện GD (Huân)               | 4                                                           | Vẽ kỹ thuật điện (Hoà)               | 4 | Chính trị (Quế)               | 4      |                            |   |
|                                              | Chiều |                                                         |        |                                   |   |                                       |                                                             |                                      |   |                               |        |                            |   |
| CBBQ65                                       | Sáng  |                                                         |        |                                   |   |                                       |                                                             |                                      |   |                               |        |                            |   |
|                                              | Chiều | Chế biến nước mắm (Liên)<br><i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> | 2<br>1 | Chế biến lạnh đông TS<br>(Năm)    | 2 | Kỹ thuật điện (Năm)                   | 2                                                           | Chế biến nước mắm (Liên)             | 2 | QL chất lượng thủy sản (Liên) | 2      |                            |   |
| NTTS 66                                      | Sáng  | <i>Sinh hoạt lớp (Ánh)</i><br>Thủy sinh vật (Ánh)       | 1<br>3 | GD QP-AN (Mạnh)                   | 4 | ATLĐ trong nuôi thủy sản<br>(Liên)    | 4                                                           | Khảo sát TKCT nuôi thủy sản<br>(Ánh) | 4 | Chính trị (Quế)               | 4      |                            |   |
|                                              | Chiều |                                                         |        |                                   |   |                                       |                                                             |                                      |   |                               |        |                            |   |
| KTMTT65                                      | Sáng  |                                                         |        |                                   |   |                                       |                                                             |                                      |   |                               |        |                            |   |
|                                              | Chiều | Tự động MTT (Đông)<br><i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i>        | 2<br>1 | Động cơ đốt trong (Đông)          | 2 | BD, SC thiết bị trên boong<br>(Trung) | 2                                                           | Khai thác máy phụ tàu thủy<br>(Đông) | 2 | Luật hàng hải (Trung)         | 2      |                            |   |
| KTMTT<br>66                                  | Sáng  | <i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i><br>Vẽ kỹ thuật (Trung)       | 1<br>3 | GD QP-AN (Mạnh)                   | 4 | Môi trường và bảo vệ MT thủy<br>(Ánh) | 4                                                           | Lý thuyết tàu (Trung)                | 4 | Chính trị (Quế)               | 4      |                            |   |
|                                              | Chiều |                                                         |        |                                   |   |                                       |                                                             |                                      |   |                               |        |                            |   |
| ĐKTB65                                       | Sáng  |                                                         |        |                                   |   |                                       |                                                             |                                      |   |                               |        |                            |   |
|                                              | Chiều | Tiếng anh CN (T.Nhung)<br><i>Sinh hoạt lớp (Ánh)</i>    | 2<br>1 | Khai thác vận hành MTT<br>(Trung) | 2 | Khí tượng hải dương (Tiến)            | 2                                                           | Khai thác vận hành MTT<br>(Trung)    | 2 | Tin học hàng hải (Quang)      | 2      |                            |   |
| CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN |       |                                                         |        |                                   |   |                                       |                                                             |                                      |   |                               |        |                            |   |
| THỨ<br>LỚP                                   |       | Thứ 6                                                   |        |                                   |   | Thứ 7                                 |                                                             |                                      |   | Chủ nhật                      |        |                            |   |
| TT65A2<br>P.B102                             | Sáng  | Phòng trừ dịch hại (Triệu)                              |        |                                   |   | 4                                     | <i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i><br>Bệnh cây chuyên khoa (Huyền) |                                      |   |                               | 1<br>3 | Cây rau (Huyền)            | 4 |
|                                              | Chiều | Chế biến bảo quản STH (Bình)                            |        |                                   |   | 2                                     | Khí tượng nông nghiệp (Huyền)                               |                                      |   |                               | 4      | Côn trùng đại cương (Huệ)  | 4 |
| CN65A2<br>CN66A2<br>P.B101                   | Sáng  | Trồng trọt cơ bản (Bình)                                |        |                                   |   | 4                                     | <i>Sinh hoạt lớp (Phượng)</i><br>Ký sinh trùng TY (Phượng)  |                                      |   |                               | 1<br>3 | Quản trị kinh doanh (Thủy) | 4 |
|                                              | Chiều | CD và ĐTH thú y (Vân)                                   |        |                                   |   | 2                                     | Luật thú y (P. Nga)                                         |                                      |   |                               | 4      | KTN-PTB trâu, bò... (Hưng) | 4 |

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu